**KIỂM TRA CUỐI KÌ II** **MÔN SINH HỌC LỚP** 11 *Thời gian làm bài 45 phút*

**MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Số tiết** | **Mức độ nhận thức**  | **Tổng** | **% tổng**  |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Số CH** | **Thời gian**  |  |
| Số CH | Thời gian  | Số CH | Thời gian  | Số CH | Thời gian  | Số CH | Thời gian  | TN | TL |
| **1** | **Chương 2: Cảm ứng ở sinh vật**  | Cảm ứng ở thực vật | 4 | 1 | 0,75 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,75 | 2,5% |
| Cảm ứng ở động vật | 8 | 1 | 0,75 | 1 | 1 |  |  |  |  | 3 |  | 2,5 | 7,5% |
| **2** | **Chương 3: sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** | Khái quát sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | 2 | 1 | 0,75 | 1 | 1 |  |  |  |  | 2 |  | 1,75 | 5% |
| Sinh trưởng và phát triển ở thực vật | 5 | 2 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 4 |  | 3,0 | 10% |
| Sinh trưởng và phát triển ở động vật | 5 | 1 | 0,75 | 2 | 2 |  |  |  |  | 6 | 1 | 17,25 | 25% |
| 3 | **Chương 4: Sinh sản ở sinh vật** | Khái quát về sinh sản ở sinh vật | 1 | 2 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,75 | 2,5% |
| Sinh sản ở thực vật | 3 | 2 | 1,5 | 3 | 3 | 1 | 6 | 1 | 9 | 4 | 1 | 8,25 | 20% |
| Sinh sản ở động vật | 4 | 4 | 3,0 | 4 | 4 | 1 | 6 | 5 | 1 | 9,0 | 22,5% |
| 4 | **Chương 5: Mối quan hệ …** | Cơ thể sinh vật là một hệ thống mở và tự điều chỉnh | 1 |  |  | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 |  | 1 | 2,5% |
| Một số ngành nghề lên quan đến sinh học cơ thể | 1 | 2 | 1,5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 0,75 | 2,5% |
| ***Tổng*** |  | **16** | **12** | **12** | **12** | **2** | **9** | **1** | **9** | **28** | **3** |  |  |
| **Tỉ lệ %** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |  |  |  | **100** |

**Ghi chú:**

- Các câu hỏi mức độ nhận biết và thông hiểu cần được phân bổ ở tất cả các đơn vị kiến thức và mỗi câu chỉ tương ứng với một chỉ báo.

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng****cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| **1** | **Chương 2: Cảm ứng ở sinh vật** **(12 tiết)** | **Cảm ứng ở thực vật** | **Nhận biết** **-** Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.- Trình bày được vai trò của cảm ứng đối với sinh vật.- Nêu được khái niệm cảm ứng ở thực vật. - Trình bày được đặc điểm cảm ứng ở thực vật- Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: vận động hướng động và vận động cảm ứng.**Thông hiểu:**- Trình bày được cơ chế cảm ứng ở sinh vật: thu nhận kích thích, dẫn truyền kích thích, phân tích và tổng hợp, trả lời kích thích- Trình bày được cơ chế cảm ứng ở thực vật.**Vận dụng:**- Phân tích được vai trò cảm ứng đối với thực vật.- Thông qua thực hành mô tả được hiện tượng cảm ứng ở một số loài cây.**Vận dụng cao:**- Vận dụng được hiểu biết về cảm ứng ở thực vật để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.- Thiết kế được thí nghiệm về cảm ứng ở một số loài cây. | 1 |  |  |  |
| **Cảm ứng ở động vật** | **Nhận biết:**- Nêu được cấu tạo của tế bào thần kinh. - Dựa vào hình vẽ, nêu được chức năng của tế bào thần kinh. - Dựa vào sơ đồ, mô tả được cấu tạo synapse.- Nêu được khái niệm phản xạ.- Nêu được các dạng thụ thể.- Nêu được vai trò của các thụ thể (các thụ thể cảm giác về: cơ học, hoá học, điện, nhiệt, đau).- Nêu được vai trò các cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác trong cung phản xạ- Nêu được khái niệm tập tính ở động vật.- Nêu được một số hình thức học tập ở động vật. **Thông hiểu**- Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau.- Dựa vào hình vẽ (hoặc sơ đồ), phân biệt được hệ thần kinh dạng ống với hệ thần kinh dạng lưới và dạng chuỗi hạch.- Dựa vào sơ đồ, mô tả được quá trình truyền tin qua synapse.- Dựa vào sơ đồ, phân tích được một cung phản xạ (các thụ thể, dẫn truyền, phân tích, đáp ứng).− Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện:+ Nêu được đặc điểm và phân loại được phản xạ không điều kiện. Lấy được các ví dụ- Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh hoạ.- Lấy được một số ví dụ minh hoạ các dạng tập tính ở động vật. - Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được.- Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính bẩm sinh.- Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính học được.- Lấy được ví dụ minh hoạ về một số hình thức học tập ở động vật. - Thông qua quan sát, mô tả được tập tính của một số động vật.**Vận dụng:**- Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác...- Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của các cơ quan cảm giác (tai, mắt).- Phân tích được đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ.- Phân tích được vai trò của tập tính đối với đời sống động vật.- Lấy được ví dụ chứng minh pheromone là chất được sử dụng như những tín hiệu hoá học của các cá thể cùng loài.**Vận dụng cao:**- Vận dụng hiểu biết về hệ thần kinh để giải thích được cơ chế giảm đau khi uống và tiêm thuốc giảm đau.- Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích; phòng chống nghiện và cai nghiện các chất kích thích.- Trình bày được một số ứng dụng: + Dạy động vật làm xiếc; dạy trẻ em học tập; + Ứng dụng trong chăn nuôi; + Bảo vệ mùa màng; + Ứng dụng pheromone trong thực tiễn.- Giải thích được cơ chế học tập ở người. | 1 | 1 |  |  |
| 2 | **Chương 3: sinh trưởng và phát triển ở sinh vật****(12 tiết)** | Khái quát sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | **Nhận biết** - Nêu được khái niệm sinh trưởng ở sinh vật. - Nêu được khái niệm phát triển ở sinh vật.- Nêu được khái niệm vòng đời của sinh vật. - Nêu được khái niệm tuổi thọ của sinh vật**Thông hiểu:**- Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng ở sinh vật: tăng khối lượng và kích thước tế bào; tăng số lượng tế bào. - Trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của phát triển ở sinh vật:+ Phân hoá tế bào và phát sinh hình thái;+ Chức năng sinh lí;+ Điều hoà.- Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người.- Lấy được ví dụ minh hoạ về tuổi thọ sinh vật.**Vận dụng:**- Phân tích được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.- Lấy được ví dụ minh hoạ về vòng đời sinh vật.**Vận dụng cao:** - Trình bày được một số ứng dụng hiểu biết về vòng đời của sinh vật trong thực tiễn | 1 | 1 |  |  |
| Sinh trưởng và phát triển ở thực vật | **Nhận biết** * Nêu được đặc điểm sinh trưởng ở thực vật.
* Nêu được đặc điểm phát triển ở thực vật.
* Nêu được khái niệm mô phân sinh.
* Khái niệm hoocmon thực vật
* Nêu được khái niệm hormone thực vật.
* Nêu được vai trò hormone thực vật.
* Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật.
* Nhận biết các loại mô phân sinh ở cây 1 lá mầm

**Thông hiểu*** Phân biệt được các loại mô phân sinh.
* Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp ở thực vật.
* Trình bày được quá trình sinh trưởng thứ cấp ở thực vật.
* Phân biệt được các loại hormone kích thíchtăng trưởng và hormone ức chế tăng trưởng.
* Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật.
* Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa.
* Trình bày được các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa.

**Vận dụng*** Nêu được ví dụ minh hoạ về sự tương quan các hormone thực vật.
* Lấy được ví dụ minh hoạ về các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa.
* Phân tích được một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật.

**Vận dụng cao*** Trình bày được một số ứng dụng của hormone thực vật trong thực tiễn.
* Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở thực vật để giải thích một số ứng dụng trong thực tiễn (ví dụ: kích thích hay hạn chế sinh trưởng, giải thích vòng gỗ,...).
 | 2 |  |  |  |
|  | **Sinh trưởng và phát triển ở động vật** | **Nhận biết** - Nêu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở động vật. **-** Nêu được ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển động vật (di truyền; giới tính; hormone sinh trưởng và phát triển).− Nêu được vai trò của một số hormone đối với hoạt động sống của động vật.**Thông hiểu**- Dựa vào sơ đồ vòng đời, trình bày được các giai đoạn chính trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật (giai đoạn phôi và giai đoạn hậu phôi). * - Phân biệt được các hình thức phát triển qua biến thái và không qua biến thái.
* - Dựa vào hình ảnh (hoặc sơ đồ, video), trình bày được các giai đoạn phát triển của con người từ hợp tử đến cơ thể trưởng thành.

- Trình bày được ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển động vật (nhiệt độ, thức ăn,...)**Vận dụng**- Phân tích được ý nghĩa của sự phát triển qua biến thái hoàn toàn ở động vật đối với đời sống của chúng.- Thông qua thực hành, mô tả được quá trình biến thái ở động vật (tằm, ếch nhái,...).- Phân tích được đặc điểm tuổi dậy thì ở người.- Phân tích được khả năng điều khiển sự sinh trưởng và phát triển ở động vật.**Vận dụng cao**- Vận dụng được hiểu biết về các giai đoạn phát triển để áp dụng chế độ ăn uống hợp lí.- Vận dụng hiểu biết về hormone để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: không lạm dụng hormone trong chăn nuôi; thiến hoạn động vật;...).- Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở động vật vào thực tiễn (ví dụ: đề xuất được một số biện pháp hợp lí trong chăn nuôi nhằm tăng nhanh sự sinh trưởng và phát triển của vật nuôi; tiêu diệt côn trùng, muỗi;...). - Ứng dụng được hiểu biết về tuổi dậy thì để bảo vệ sức khoẻ, chăm sóc bản thân và người khác. | 1 | 2 |  | 1 |
| 3 | ***Chương 4: Sinh sản ở sinh vật*****(8 tiết)** | **Khái quát về sinh sản ở sinh vật** | **Nhận biết** * Phát biểu được khái niệm sinh sản.
* Phát biểu được khái niệm sinh sản vô tính.
* Phát biểu được khái niệm sinh sản hữu tính.

**Thông hiểu** * Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của sinh sản ở sinh vật (vật chất di truyền, truyền đạt vật chất di truyền, hình thành cơ thể mới, điều hoà sinh sản).
* - Trình bày được vai trò của sinh sản đối với sinh vật.

- Phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật (sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính). | 2 |  |  |  |
| **Sinh sản ở thực vật** | **Nhận biết**:* Nêu được cấu tạo chung của hoa.
* - Trình bày được các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật.

**Thông hiểu** * Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở thực vật (sinh sản bằng bào tử, sinh sản sinh dưỡng).

-Lý do cây ăn quả lâu năm thường được nhân giống bằng chiết cành* - So sánh được sinh sản hữu tính với sinh sản vô tính ở thực vật.
* Trình bày được quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tinh, hình thành hạt, quả.

**Vận dụng** - Trình bày được ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật trong thực tiễn. **Vận dụng cao**- Thông qua thực hành, mô tả được quy trình:+ Nhân giống cây bằng sinh sản sinh dưỡng; + Thụ phấn cho cây (thụ phấn hoặc quan sát thụ phấn ở ngô). | 2 | 3 | 1 | 1 |
| **Sinh sản ở động vật** | **Nhận biết** - Nêu được một số thành tựu thụ tinh trong ống nghiệm.* - Nhận biết được biện pháp tránh thai tránh được tác động kép.
* - Kể tên được các giai đoạn trong quá trình sinh sản hữu tính ở động vật

+ Hình thành tinh trùng; + Hình thành trứng; + Thụ tinh tạo hợp tử+ Phát triển phôi thai; + Sự đẻ. **Thông hiểu** - Bản chất của thụ tinh ở động vật- Phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. - Cơ sở khoa học của việc uống thuốc tránh thai **Vận dụng**- Lấy được ví dụ ở người về quá trình sinh sản hữu tính: hình thành tinh trùng, trứng; thụ tinh tạo hợp tử; phát triển phôi thai; sự đẻ. - Phân tích được cơ chế điều hoà sinh sản ở động vật.**Vận dụng cao**- Trình bày được một số ứng dụng về điều khiển sinh sản ở động vật và sinh đẻ có kế hoạch ở người. | 4 | 4 | 1 |
| 4 | **Chương 5:** **Mối quan hệ giữa các quá trình**  | Cơ thể sinh vật là một hệ thống mở và tự điều chỉnh | **Thông hiểu** - Trình bày được mối quan hệ giữa các quá trình sinh lí trong cơ thể. **Vận dụng**- Chứng minh được cơ thể là một hệ thống mở tự điều chỉnh |  | 1 |  |  |
| Một số ngành nghề lên quan  | **Nhận biết**- Nêu được một số ngành nghề liên quan đến sinh học cơ thể. **Vận dụng**- Dự đoán được triển vọng của các ngành nghề liên quan đến sinh học cơ thể đó trong tương lai. | 2 |  |  |  |
| **Tổng**  | **16** | **12** | **2** | **1** |